

Bản án số: 06/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 05 – 02 – 2021

Tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con,
chia nợ chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Long**;

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liên;

2. Ông Nguyễn Báu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Đại Phát – Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2020/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, chia nợ chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐ – HPT ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1990.

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1992.

Cùng trú tại: thôn 2, xã NH, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận.

Bà T có mặt, ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hồ Văn H đến với nhau hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, quen nhau năm 2011, không đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2011 ngày 06 – 4 – 2011. Quá trình chung sống thì hạnh phúc, nhưng từ năm 2018 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông H đang quen người phụ nữ khác, bà có gặp người phụ nữ ông H quen để nói chuyện, khi bà về nhà thì ông H kiểm chuyện đánh đập bà. Khi xảy ra mâu thuẫn bà cố gắng khuyên can, hòa giải nhưng ông H không thay đổi, bà chịu đựng vì con, vì chồng để gia đình hạnh phúc nhưng ông H không thay đổi nên xảy ra cãi vã. Nay bà xác định tình cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Bà với ông H sống chung với nhau có 02 con chung tên Hồ Văn D, sinh ngày 11 – 02 – 2011 và Hồ Xuân Q, sinh ngày 08 – 11 – 2012. Nếu ly hôn bà yêu cầu tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu ông H

cấp dưỡng nuôi 02 con chung dưới 18 tuổi mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng (Mỗi con chung là 1.000.000đồng/tháng) đến khi đủ 18 tuổi, lao động tự túc được. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 04 năm 2021.

+ Về nợ chung:

- Ngày 06 – 6 – 2016 vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện TN số tiền 30.000.000đồng với mục đích để chăn nuôi. Đối với số nợ bà yêu cầu chia đôi, còn tiền lãi 687.157đồng bà đồng ý chịu.

Về tài sản: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án không nhận được văn bản thể hiện ý kiến cũng như yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác minh mối quan hệ tranh chấp; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng trong vụ án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật vì nhiều lần không đến phiên tòa theo giấy triệu tập; tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T, tuyên xử bà T được ly hôn ông H; giao con chung cho bà T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con chung chấp nhận yêu cầu của bà T; Về nợ chung chấp nhận yêu cầu của bà T; về tài sản chung không có nên không xem xét giải quyết; Về án phí bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông H phải chịu án phí cấp dưỡng. Mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí chia nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Bà Nguyễn Thị Lệ T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam giải quyết vụ án hôn nhân của ông, bà. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam.

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Ông Hồ Văn H đã được Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Hồ Văn H kết hôn có đăng ký là hoàn toàn hợp pháp đã xác lập quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên trong quá trình chung sống ông, bà nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống hạnh phúc gia đình đang ở tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía bị đơn từ khi Tòa án thụ lý cho đến phiên tòa xét xử hôm nay ông H không có ý kiến gì về việc ly hôn của bà T,

chứng tỏ ông H không tha thiết bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nên cần xử cho bà Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với ông Hồ Văn H để ông, bà sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Văn D, sinh ngày 11 – 02 – 2011 và Hồ Xuân Q, sinh ngày 08 – 11 – 2012. Bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tính đến ngày mở phiên tòa cháu D, cháu Q đã trên 7 tuổi và tại biên bản lấy lời khai ngày 04 – 11 – 2020 cháu D, cháu Q trình bày *"Trường hợp cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ"*. Đây là nguyện vọng chính đáng của trẻ được pháp luật bảo vệ. Hiện tại con chung đang ở với ông bà hơn nữa các cháu còn quá nhỏ để tách anh em ra cũng như các cháu cần sự chăm sóc của mẹ. Từ các nhận định trên Hội đồng xét xử nghĩ nên giao 02 con chung cho bà T nuôi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T có yêu cầu ông H phải cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000đồng, theo bà T chi phí bình quân để nuôi con là 2.000.000đồng/1 tháng, bao gồm tiền ăn, tiền học, tiền thuốc khi ốm đau... Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 04 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động tự túc được. Chi phí này là phù hợp với tình hình giá cả thị trường hiện nay, vì vậy, buộc ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000đồng (tức là 1.000.000đồng/1 con chung/1 tháng) là phù hợp.

[5]. Về nợ chung: Bà T và ông H vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện Thuận Nam 30.000.000đồng. Số tiền còn nợ tính tới ngày xét xử sơ thẩm 05 – 02 – 2021 là 30.687.157đồng tiền gốc và lãi. Nay bà T khởi kiện yêu cầu chia đôi khoản nợ gốc nói trên, còn tiền lãi bà đồng ý chịu. Theo quy định tại Điều 95 Luật hôn nhân và gia đình, việc thanh toán nghĩa vụ chung của vợ chồng do vợ chồng thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi nhận tiền từ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Thuận Nam theo sổ vay vốn, theo Điều 464, Điều 466 Bộ luật dân sự, bà T, ông H trở thành chủ sở hữu số tiền này và phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Theo Điều 210 và Điều 213 của Bộ luật dân sự, sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia và các chủ sở hữu chung hợp nhất có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản chung. Như vậy, nghĩa vụ chung của vợ chồng phải chia đôi, Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, chia đôi số nợ 30.000.000đồng nợ gốc và 687.157đồng tiền lãi tính đến ngày 03 – 12 – 2020 bà T đồng ý chịu, buộc bà T, ông H mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện Thuận Nam $30.000.000\text{đồng} : 2 = 15.000.000\text{đồng}$. Buộc bà T phải chịu 687.157đồng tiền lãi.

[5]. Tại Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm. Theo nội dung tại án lệ quy định: *"Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay"*. Như vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, kể từ ngày 04 – 12 – 2020 buộc bà T, ông H tiếp tục phải chịu tiền lãi cho đến khi thanh toán xong

toàn bộ số tiền nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

[6]. Về tài sản: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T, ông H mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản mà mỗi người được chia. Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBNTQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án lệ phí Tòa án. Ông H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[8]. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn luật định các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ sự phân tích trên thấy rằng ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13.

- Điều 464, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Án lệ số 08/2016/AL.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 208, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án.

+ Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Lệ T. Bà Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với ông Hồ Văn H.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Lệ T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung dưới 18 tuổi tên Hồ Văn D, sinh ngày 11 – 02 – 2011 và Hồ Xuân Q, sinh ngày 08 – 11 – 2012. Hiện nay con chung đang ở với ông bà.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Hồ Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng (tức là 1.000.000đồng/1 con chung/1 tháng). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ tháng 04 năm 2021 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Hồ Văn H được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về nợ chung:

- Bà Nguyễn Thị Lệ T, ông Hồ Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện TN số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị Lệ T đồng ý chịu 687.157đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 03 – 12 – 2020.

Chia phần: Bà Nguyễn Thị Lệ T có nghĩa vụ trả 15.687.157 (mười lăm triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm năm mươi bảy) đồng, ông Hồ Văn H có nghĩa vụ trả 15.000.000 đồng (mười lăm triệu) đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – chi nhánh huyện Thuận Nam.

Kể từ ngày 04 – 12 – 2020 buộc bà T, ông H tiếp tục phải chịu tiền lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện Thuận Nam cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0023523 ngày 07 – 10 – 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Ông Hồ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 15.687.157 đồng x 5% = 784.357 (Bảy trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nợ chung. Nhưng khấu trừ vào số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023524 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Bà T còn phải nộp 34.357 (ba mươi bốn nghìn, ba trăm năm mươi bảy) đồng. Ông Hồ Văn H phải chịu 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nợ chung.

“...Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện TN;
- CCTHADS huyện TN;
- UBND xã NH(để biết)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Long

